

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05-35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên
Ông Phạm Thế Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Lợi	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/01/2022
Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/01/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Khổng Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Huyền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Quyên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Đức Thuận

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022



Số: 354 /BCKT/TC/NV8

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0373-2018-126-1

Trần Thị Chúc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3278-2020-126-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		409.796.171.097	136.581.556.875
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	55.372.815.774	10.717.816.844
111	1. Tiền		55.372.815.774	10.717.816.844
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	362.000.000	362.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		362.000.000	362.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		138.641.247.932	44.131.451.883
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	53.355.278.810	36.498.793.771
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	85.166.908.792	7.532.955.112
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	119.060.330	99.703.000
140	IV. Hàng tồn kho	8	203.064.528.258	65.267.810.884
141	1. Hàng tồn kho		203.064.528.258	65.267.810.884
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.355.579.133	16.102.477.264
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8.493.246.118	9.878.335.614
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.862.333.015	6.224.141.650
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		167.620.040.966	178.107.722.867
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.000.000	45.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	50.000.000	45.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		141.710.238.433	131.090.397.473
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	139.948.962.169	129.077.931.639
222	- Nguyên giá		192.661.882.353	166.078.530.435
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(52.712.920.184)	(37.000.598.796)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	716.145.834	963.645.834
225	- Nguyên giá		990.000.000	990.000.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(273.854.166)	(26.354.166)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	1.045.130.430	1.048.820.000
228	- Nguyên giá		1.423.580.000	1.048.820.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(378.449.570)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	4.554.069.667	24.020.705
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.554.069.667	24.020.705
260	VI. Tài sản dài hạn khác		21.305.732.866	1.993.304.689
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	17.479.618.798	1.575.346.753
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28	3.751.932.796	80.941.275
269	3. Lợi thế thương mại		74.181.272	337.016.661
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		577.416.212.063	314.689.279.742

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		205.188.409.002	155.948.533.758
310	I. Nợ ngắn hạn		194.217.563.502	154.645.358.428
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	31.818.814.057	41.053.388.627
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.541.894.543	40.838.036.945
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	19.781.834.229	10.994.439.971
314	4. Phải trả người lao động		3.549.307.888	4.421.318.818
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		165.000.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.111.978.547	6.934.200.071
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	134.742.642.938	49.837.882.696
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		506.091.300	566.091.300
330	II. Nợ dài hạn		10.970.845.500	1.303.175.330
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	10.970.845.500	1.303.175.330
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		372.227.803.061	158.740.745.984
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	372.227.803.061	158.740.745.984
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		199.999.890.000	80.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		199.999.890.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		79.813.400.000	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.698.273.899	1.698.273.899
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		84.274.946.843	66.056.981.529
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		22.637.556.937	34.217.903.090
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		61.637.389.906	31.839.078.439
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		6.441.292.319	10.985.490.556
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		577.416.212.063	314.689.279.742


Lại Thị Thu Hà
Người lập

Đỗ Quang Phong
Kế toán trưởngLê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.010.932.811.342	604.302.725.845
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	9.557.417.327	7.441.879.911
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.001.375.394.015	596.860.845.934
11	4. Giá vốn hàng bán	22	846.878.309.462	512.125.889.576
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		154.497.084.553	84.734.956.358
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.800.087.134	321.193.115
22	7. Chi phí tài chính	24	8.659.777.603	3.214.350.349
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.423.725.153	3.203.949.056
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	44.615.063.501	22.422.864.998
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20.831.394.735	18.936.635.440
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		83.190.935.848	40.482.298.686
31	12. Thu nhập khác		80.708.886	161.734.363
32	13. Chi phí khác		707.138.492	445.881.319
40	14. Lợi nhuận khác		(626.429.606)	(284.146.956)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.564.506.242	40.198.151.730
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	20.464.937.115	7.794.789.831
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	28	(3.751.932.796)	36.588.038
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		65.851.501.923	32.366.773.861
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		63.173.154.554	31.839.078.439
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		2.678.347.369	527.695.422
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	6.915	4.046


Lại Thị Thu Hà
Người lập

Đỗ Quang Phong
Kế toán trưởngLê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Năm 2021**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		82.564.506.242	40.198.151.730
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.509.769.587	11.474.795.335
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.955.988	6.520.001
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.781.667.189)	(321.193.115)
06	- Chi phí lãi vay		8.423.725.153	3.196.177.030
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		104.730.289.781	54.554.450.981
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(31.600.365.967)	(49.261.601.312)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(137.796.717.374)	(43.911.525.884)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(57.338.663.918)	75.432.817.384
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(14.519.182.549)	(6.833.858.985)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.423.725.153)	(3.196.177.030)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.702.995.560)	(2.956.699.028)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(152.651.360.740)	23.827.406.126
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(114.274.525.985)	(40.962.241.471)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	100.454.538
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		50.100.000.000	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	10.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.781.667.189	321.193.115
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(61.392.858.796)	(30.040.593.818)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		159.998.900.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		276.318.256.274	97.579.802.162
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(181.443.445.280)	(85.535.951.420)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		3.825.507.472	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		258.699.218.466	12.043.850.742

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		44.654.998.930	5.830.663.050
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.717.816.844	4.893.673.795
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(6.520.001)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>55.372.815.774</u>	<u>10.717.816.844</u>

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Đỗ Quang Phong
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2021***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 199.999.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 199.999.890.000 đồng; tương đương 19.999.989 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mút kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Cấu trúc Tập đoàn

- Các công ty con sở hữu trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Chế biến Nông Sản Thực phẩm Hồng Hà	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc miền Nam	TP.Hồ Chí Minh	96,72%	96,72%	Sản xuất bánh kẹo

- Công ty con sở hữu gián tiếp đã thanh lý trong năm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Bình Phước	49,33%	51,00%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt

2.17 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	9.971.979.083	6.175.452.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.400.836.691	4.542.364.676
	55.372.815.774	10.717.816.844

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
	362.000.000	-	362.000.000	-

Tại 31/12/2021, khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng giá trị 362.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội với lãi suất 7,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Hà Nội - Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1.628.100.121	-	1.250.159.108	-
Chi nhánh TP HCM - Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1.875.434.272	-	662.747.892	-
Công ty CP Create Capital Việt Nam	-	-	3.064.113.530	-
Beltamozhiliya Ltd	-	-	10.375.490.036	-
Anwar Trades	-	-	5.006.358.000	-
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	218.091.997	-	1.398.402.713	-
Phải thu khác	49.633.652.420	-	14.741.522.492	-
	53.355.278.810	-	36.498.793.771	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Thương mại - Chợ truyền thống Việt Nam	34.002.250.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hương Dương Milk Tea Fresh	6.001.072.500	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An	30.741.479.000	-	3.619.802.500	-
Công ty CP ABG Việt Nam	3.978.942.500	-	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Dĩnh Điền	3.000.000.000	-	-	-
Cơ sở sản xuất Bình Chung	1.015.000.000	-	1.015.000.000	-
Trả trước khác	6.428.164.792	-	2.898.152.612	-
	85.166.908.792	-	7.532.955.112	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ	27.000.000	-	27.000.000	-
Phải thu khác	92.060.330	-	72.703.000	-
	119.060.330	-	99.703.000	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Công Nghệ - Thiết kế Việt Nam	-	-	45.000.000.000	-
	50.000.000	-	45.000.000.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	100.059.509.235	-	42.654.617.278	-
Công cụ, dụng cụ	488.451.091	-	334.718.191	-
Thành phẩm	96.188.967.247	-	936.461.696	-
Hàng hoá	6.327.600.685	-	21.342.013.719	-
	203.064.528.258	-	65.267.810.884	-

9 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.554.069.667	24.020.705
Dự án phần mềm SAP	4.055.416.667	-
Sửa chữa sàn văn phòng	331.085.000	24.020.705
Thiết kế Website	167.568.000	-
	4.554.069.667	24.020.705

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	65.026.900.303	92.201.109.224	7.494.636.363	1.055.454.545	300.430.000	166.078.530.435
Mua trong năm	-	25.588.023.704	-	62.495.455	-	25.650.519.159
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.299.131.850	-	604.610.000	-	-	1.903.741.850
Giảm khác	-	-	(970.909.091)	-	-	(970.909.091)
Số dư cuối năm	66.326.032.153	117.789.132.928	7.128.337.272	1.117.950.000	300.430.000	192.661.882.353
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	21.224.157.864	12.788.359.659	2.589.706.014	261.768.957	136.606.302	37.000.598.796
Khấu hao trong năm	6.393.435.431	8.238.662.908	1.003.068.947	183.062.750	50.254.592	15.868.484.628
Giảm khác	-	-	(156.163.240)	-	-	(156.163.240)
Số dư cuối năm	27.617.593.295	21.027.022.567	3.436.611.721	444.831.707	186.860.894	52.712.920.184
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	43.802.742.439	79.412.749.565	4.904.930.349	793.685.588	163.823.698	129.077.931.639
Tại ngày cuối năm	38.708.438.858	96.762.110.361	3.691.725.551	673.118.293	113.569.106	139.948.962.169

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính là 02 máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá là 990.000.0000 đồng, số khấu hao trong kỳ là 247.500.000 đồng, khấu hao lũy kế là 273.854.166 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.048.820.000	1.048.820.000
Mua trong năm	374.760.000	374.760.000
Số dư cuối năm	1.423.580.000	1.423.580.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	378.449.570	378.449.570
Số dư cuối năm	378.449.570	378.449.570
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.048.820.000	1.048.820.000
Tại ngày cuối năm	1.045.130.430	1.045.130.430

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.207.626.697	1.742.879.444
Chi phí bảo hiểm	41.756.068	97.701.853
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	4.869.405.196	7.874.483.055
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	374.458.157	163.271.262
	8.493.246.118	9.878.335.614
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.205.428.919	1.304.383.158
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	75.933.119	250.986.880
Chi phí thuê đất	14.806.693.616	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.391.563.144	19.976.715
	17.479.618.798	1.575.346.753

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	3.781.596.993	3.781.596.993	9.472.216.637	9.472.216.637
Công ty TNHH CJ FOODS Việt Nam	1.383.981.500	1.383.981.500	2.971.045.500	2.971.045.500
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Thương mại Tiến Nhân	2.142.833.000	2.142.833.000	-	-
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Hạ Tầng	2.587.750.000	2.587.750.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	-	-	6.405.779.490	6.405.779.490
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Thế Hoài	-	-	2.979.147.200	2.979.147.200
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Huy Long	2.763.750.000	2.763.750.000	-	-
Phải trả khác	19.158.902.564	19.158.902.564	19.225.199.800	19.225.199.800
	31.818.814.057	31.818.814.057	41.053.388.627	41.053.388.627

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	-	-	-	358.750
--	---	---	---	----------------

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)***15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hường Dương Milk Tea Fresh	-	1.032.935.500
R&D Pathan Trading Limiter Partnership	-	2.175.575.832
Ali Sulaiman Alshehri Trading Co	-	1.487.793.347
Công ty TNHH Sản xuất Hoàng Châu	-	1.300.010.000
Trả trước khác	1.541.894.543	34.841.722.266
	1.541.894.543	40.838.036.945

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.995.879.604	2.052.574.770	5.048.454.374	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.588.174.464	1.588.174.464	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7.890.218.007	19.594.611.782	7.702.995.560	-	19.781.834.229
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	108.342.360	177.756.390	286.098.750	-	-
Các loại thuế khác	-	-	14.000.000	14.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	539.034.539	539.034.539	-	-
	-	10.994.439.971	23.966.151.945	15.178.757.687	-	19.781.834.229

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	102.984.095	337.325.950
Bảo hiểm y tế	19.552.603	32.898.996
Bảo hiểm thất nghiệp	4.029.071	14.621.776
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	174.492.528	-
Ngô Thành Nam	-	6.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.810.920.250	49.353.349
	2.111.978.547	6.934.200.071

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	39.761.990.666	39.761.990.666	364.193.898.697	273.816.915.665	130.138.973.698	130.138.973.698
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	33.218.339.981	33.218.339.981	158.585.322.056	140.650.801.239	51.152.860.798	51.152.860.798
- Ngân hàng TMCP Quân đội	994.409.501	994.409.501	995.980.186	1.990.389.687	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	329.722.178	329.722.178	-	329.722.178	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2.997.222.006	2.997.222.006	-	2.997.222.006	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.222.297.000	2.222.297.000	148.346.349.831	71.582.533.931	78.986.112.900	78.986.112.900
- Ngân hàng TMCP MTV Woori Việt Nam	-	-	56.266.246.624	56.266.246.624	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	10.075.892.030	10.075.892.030	4.603.669.240	10.075.892.030	4.603.669.240	4.603.669.240
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.864.755.030	7.864.755.030	-	7.864.755.030	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	291.395.000	291.395.000	-	291.395.000	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	2.683.927.240	-	2.683.927.240	2.683.927.240
	49.837.882.696	49.837.882.696	368.797.567.937	283.892.807.695	134.742.642.938	134.742.642.938
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.291.274.860	5.291.274.860	1.266.923.240	5.928.274.860	629.923.240	629.923.240
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	11.921.000.000	882.000.000	11.039.000.000	11.039.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	593.800.000	593.800.000	-	151.200.000	442.600.000	442.600.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	4.285.654.500	4.285.654.500	-	1.768.542.000	2.517.112.500	2.517.112.500
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	429.000.000	78.650.000	350.350.000	350.350.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	408.605.000	408.605.000	-	408.605.000	-	-
- Nợ thuê tài chính dài hạn	799.733.000	799.733.000	-	204.204.000	595.529.000	595.529.000
	11.379.067.360	11.379.067.360	13.616.923.240	9.421.475.860	15.574.514.740	15.574.514.740
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	10.075.892.030	10.075.892.030	4.603.669.240	10.075.892.030	4.603.669.240	4.603.669.240
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	1.303.175.330	1.303.175.330			10.970.845.500	10.970.845.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2021	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
I	Vay ngắn hạn							
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					51.152.860.798	51.152.860.798	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 386-03/2021-HĐCVHM/NHCT131-BN ngày 10 tháng 11 năm 2021.	40.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	17.843.612.620	17.843.612.620	- Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1263 19, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/03/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung đi kèm. - Các hợp đồng thế chấp tài sản khác
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 111/2021-HĐCVHM/NHCT131-HONGHA ngày 06 tháng 04 năm 2021.	34.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	33.309.248.178	33.309.248.178	- Hợp đồng thế chấp tài sản số 172/2021/HĐBĐ/NHCT131-HONGHA ngày 25/05/2021
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					78.986.112.900	78.986.112.900	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021/CVHM/VCBHN-BN ngày 01 tháng 06 năm 2021	62.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	5 tháng kể từ ngày giải ngân	Quy định trong từng giấy nhận nợ	61.986.112.900	61.986.112.900	- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 628 và số 629 tại địa chỉ phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, TP.HCM thuộc sở hữu của ông Lê Đức Thuận và bà Lê Thu Huyền. - Hàng tồn kho và các khoản phải thu luân chuyển trị giá tối thiểu 20 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 01/2021/TCHHKPT/VCB-BN ngày 22/06/2021.
	Hợp đồng cấp tín dụng số 004/TBN-TSN/21TD ngày 14/01/2021 và Hợp đồng cấp tín dụng bổ sung số 02/004/TBN-TSN/21NH ngày 28/05/2021.	17.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	17.000.000.000	17.000.000.000	- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68 đường Phạm Ngọc Thảo, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 003/TBN-TSN/21TC ngày 14/01/2021.
	Tổng cộng vay ngắn hạn					130.138.973.698	130.138.973.698	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam						629.923.240	629.923.240
	Hợp đồng số 178/2021-HĐCVĐADT/NHCT131-HONGHANG ngày 01/06/2021	4.400.000.000	Mua sắm đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2021 phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	8%/năm	629.923.240	629.923.240	Hợp đồng thế chấp nhà ở gắn liền với đất và các hợp đồng thế chấp khác.
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam						11.039.000.000	1.764.000.000
	Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 004/tbn-tsn/21TDH ngày 14/01/2021	11.921.000.000	Đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bánh bông lan chà bông tự động mới 100%.	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	11.039.000.000	1.764.000.000	- Tài sản hình thành từ vốn vay - Quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68 đường Phạm Ngọc Thảo, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 003/TBN-TSN/21TC ngày 14/01/2021.
3	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam						442.600.000	151.200.000
	Hợp đồng số 1702-LAV-2017-00397 ngày 10 tháng 11 năm 2017.	1.060.000.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	442.600.000	151.200.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
4	Ngân hàng TMCP Quân đội						2.517.112.500	1.768.542.000
	Hợp đồng số 7886.19.008.1516289.TD ngày 20 tháng 03 năm 2019.	861.280.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	259.225.000	215.220.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng số 9462.19.008.1516289.TD ngày 02 tháng 04 năm 2019.	1.807.000.000	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	Trong từng giấy nhận nợ	564.715.000	451.740.000	Hợp đồng tiền gửi số 21505.19.008.1516289.TG.DN
	Hợp đồng số 22980.19.008.1516289.TD ngày 21 tháng 06 năm 2019	640.900.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	9%/năm	226.988.000	160.224.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng số 26927.19.008.1516289.TD ngày 15 tháng 07 năm 2019	3.765.432.000	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	9,5%/năm	1.466.184.500	941.358.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
5	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam						350.350.000	85.800.000
	Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RMC/2021/HĐTD-0079 ngày 15/01/2021	429.000.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	60 tháng	8,5%/năm	350.350.000	85.800.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
6	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam						595.529.000	204.204.000
	Hợp đồng số 01.113/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	605.000.000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%/năm	330.848.000	113.448.000	Ký cược bảo đảm
	Hợp đồng số 01.114/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	484.000.000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%/năm	264.681.000	90.756.000	Ký cược bảo đảm
	Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn						15.574.514.740	4.603.669.240
	Tổng cộng vay						145.713.488.438	134.742.642.938

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	-	-	36.603.650.777	5.787.782.976	122.391.433.753
Lãi trong năm trước	-	-	-	31.839.078.439	527.695.422	32.366.773.861
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.698.273.899	(2.264.365.199)	-	(566.091.300)
Hợp nhất công ty con mua trong năm	-	-	-	(121.382.488)	4.670.012.158	4.548.629.670
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	-	1.698.273.899	66.056.981.529	10.985.490.556	158.740.745.984
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	-	1.698.273.899	66.056.981.529	10.985.490.556	158.740.745.984
Chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ	80.000.000.000	79.813.400.000	-	-	-	159.813.400.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	63.173.154.554	2.678.347.369	65.851.501.923
Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu	39.999.890.000	-	-	(39.999.890.000)	-	-
Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền	-	-	-	(4.000.000.000)	-	(4.000.000.000)
Chuyển nhượng Công ty con trong năm	-	-	-	(955.299.240)	(7.222.545.606)	(8.177.844.846)
Số dư cuối năm nay	199.999.890.000	79.813.400.000	1.698.273.899	84.274.946.843	6.441.292.319	372.227.803.061

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Á Long	9,41%	18.812.500.000	18,81%	15.050.000.000
Ông Lê Đức Thuận	36,06%	72.125.890.000	36,06%	28.850.360.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	0,00%	-	5,88%	4.700.000.000
Các cổ đông khác	54,53%	109.061.500.000	39,25%	31.399.640.000
	100%	199.999.890.000	100%	80.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199.999.890.000	80.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	119.999.890.000	-
- Vốn góp cuối năm	199.999.890.000	80.000.000.000

Thông tin phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ1 ngày 29/04/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và phát hành, chào bán cổ phiếu phổ thông để tăng vốn điều lệ trong năm 2021. Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20% vốn điều lệ, tương ứng giá trị phát hành 16 tỷ đồng (tính theo mệnh giá cổ phiếu), phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 30% vốn điều lệ, tương ứng với giá trị phát hành 24 tỷ đồng (tính theo mệnh giá cổ phiếu);
- Phát hành cổ phiếu để chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1, tương ứng với giá trị chào bán tối đa 80 tỷ đồng (tính theo mệnh giá cổ phiếu).

Kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2020 và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Tổng số cổ phiếu phát hành: 4.000.000 cổ phiếu, trong đó:
 - + Số cổ phiếu phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ: 3.999.989 cổ phiếu cho 1.132 cổ đông;
 - + Số cổ phiếu xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: 11 cổ phiếu.
- Tổng vốn tăng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần: 39.999.890.000 đồng.

Kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán thành công: 8.000.000 cổ phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 160.000.000.000 đồng, chi phí phát hành là 186.600.000 đồng, thu ròng từ phát hành là 159.813.400.000 đồng. Trong đó, số tiền thu được tương ứng với mệnh giá là 80.000.000.000 đồng, thặng dư thu được là 79.813.400.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ1 ngày 29/04/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, với tổng số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến là 8.000.000 cổ phiếu, tương ứng tiền thu về sau đợt chào bán là 160.000.000.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ vốn huy động từ đợt phát hành cho mục đích nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của Công ty: Thuê đất xây dựng nhà máy; đầu tư xây dựng nhà máy; mua sắm máy móc thiết bị; bổ sung vốn lưu động. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án chi tiết, thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (nếu cần), tùy thuộc vào tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng vốn của công ty tại từng thời điểm, đảm bảo phù hợp tình hình kinh doanh thực tế của công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Theo kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, tổng số tiền thu về từ đợt chào bán là 160.000.000.000 đồng. Công ty đã sử dụng số tiền thu về từ đợt chào bán cho hoạt động kinh doanh, theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc về phê duyệt phương án sử dụng nguồn sau tăng vốn.

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.999.989	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	19.999.989	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.999.989</i>	<i>8.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.999.989	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.999.989</i>	<i>8.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.698.273.899	1.698.273.899
	1.698.273.899	1.698.273.899

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	686.754.686.628	419.023.743.887
Doanh thu bán hàng hóa	318.467.594.097	179.475.801.714
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.710.530.617	5.803.180.244
	1.010.932.811.342	604.302.725.845
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>	2.554.526.561	2.546.143.357

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.677.729.975	4.549.218.498
Hàng bán bị trả lại	2.879.687.352	2.892.661.413
	9.557.417.327	7.441.879.911

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	619.562.160.395	340.167.880.051
Giá vốn của hàng hóa đã bán	227.316.149.067	171.958.009.525
	846.878.309.462	512.125.889.576

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.781.667.189	321.193.115
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.419.945	-
	2.800.087.134	321.193.115

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.423.725.153	3.203.949.056
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	10.401.293
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	222.096.462	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	13.955.988	-
	8.659.777.603	3.214.350.349

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	58.362.953	19.120.414
Chi phí nhân công	16.721.055.907	10.523.110.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.257.565.478	922.028.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.437.072.733	8.443.330.788
Chi phí khác bằng tiền	7.141.006.430	2.515.275.102
	44.615.063.501	22.422.864.998

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.053.006.076	835.898.874
Chi phí nhân công	6.382.831.473	6.180.079.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.239.990.794	4.388.856.846
Thuế, phí, lệ phí	557.878.344	276.717.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.748.198.698	6.012.070.152
Lợi thế thương mại	293.376.862	(113.085.929)
Chi phí khác bằng tiền	1.556.112.488	1.356.098.099
	20.831.394.735	18.936.635.440

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.464.937.115	7.794.789.831
	20.464.937.115	7.794.789.831

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**a) Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.751.932.796	80.941.275
	3.751.932.796	80.941.275

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời liên quan lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	(3.751.932.796)	36.588.038
	(3.751.932.796)	36.588.038

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	65.851.501.923	32.366.773.861
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	65.851.501.923	32.366.773.861
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.522.399	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.915	4.046

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	743.885.019.833	486.362.139.449
Chi phí nhân công	40.967.762.425	27.191.426.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.494.434.198	11.722.794.470
Chi phí thuế và lệ phí	313.672.086	233.122.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.333.597.858	20.651.462.903
Chi phí khác bằng tiền	10.904.000.337	3.477.005.471
	847.898.486.737	549.637.951.694

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.372.815.774	-	10.717.816.844	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.524.339.140	-	81.598.496.771	-
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
	109.259.154.914	-	92.678.313.615	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	145.713.488.438	51.141.058.026
Phải trả người bán, phải trả khác	33.930.792.604	47.987.588.698
Chi phí phải trả	165.000.000	-
	179.809.281.042	99.128.646.724

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	362.000.000	-	-	362.000.000
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	362.000.000	-	-	362.000.000

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.372.815.774	-	-	55.372.815.774
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.474.339.140	50.000.000	-	53.524.339.140
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	109.209.154.914	50.000.000	-	109.259.154.914
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.717.816.844	-	-	10.717.816.844
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.598.496.771	45.000.000.000	-	81.598.496.771
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	47.678.313.615	45.000.000.000	-	92.678.313.615

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	134.742.642.938	10.970.845.500	-	145.713.488.438
Phải trả người bán, phải trả khác	33.930.792.604	-	-	33.930.792.604
Chi phí phải trả	165.000.000	-	-	165.000.000
	<u>168.838.435.542</u>	<u>10.970.845.500</u>	<u>-</u>	<u>179.809.281.042</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	49.837.882.696	1.303.175.330	-	51.141.058.026
Phải trả người bán, phải trả khác	47.987.588.698	-	-	47.987.588.698
	<u>97.825.471.394</u>	<u>1.303.175.330</u>	<u>-</u>	<u>99.128.646.724</u>

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	677.197.269.301	318.467.594.097	5.710.530.617	1.001.375.394.015	1.001.375.394.015
Chi phí bộ phận trực tiếp	619.562.160.395	227.316.149.067	-	846.878.309.462	846.878.309.462
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	57.635.108.906	91.151.445.030	5.710.530.617	154.497.084.553	154.497.084.553
Tổng chi phí mua TSCĐ	27.554.261.009	-	-	27.554.261.009	27.554.261.009
Tài sản bộ phận	96.762.110.361	-	-	96.762.110.361	96.762.110.361
Tài sản không phân bổ	-	-	-	480.654.101.702	480.654.101.702
Tổng tài sản	124.316.371.370	-	-	604.970.473.072	577.416.212.063
Nợ phải trả bộ phận	31.818.814.057	-	-	31.818.814.057	31.818.814.057
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	173.369.594.945	173.369.594.945
Tổng nợ phải trả	31.818.814.057	-	-	205.188.409.002	205.188.409.002

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 18.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.554.526.561	2.546.143.357
Công ty Cổ phần Á Long	(*)	2.554.526.561	2.546.143.357
Mua hàng hóa, dịch vụ		7.561.556.000	-
Công ty Cổ phần Á Long	(*)	7.561.556.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Á Long	(*)	-	358.750

(*) Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là cổ đông lớn kiêm Tổng giám đốc của Công ty trên.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị			
Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	72.000.000
Trần Xuân Vinh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	120.000.000	60.000.000
Vũ Đức Lợi	Thành viên HĐQT kiêm TGD	208.010.769	-
Phạm Thế Hưng	Thành viên HĐQT	298.392.308	242.914.815
Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	282.418.940	236.208.855
Đặng Minh Quang	Thành viên HĐQT	120.000.000	60.000.000

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.



Lại Thị Thu Hà
Người lập



Đỗ Quang Phong
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022